

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ
tại các trạm thu phí trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4909/STC-ĐTSC ngày 24 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí

trên xa lộ Hà Nội và đường Kinh Dương Vương theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

| SỐ TT | PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ ĐƯỜNG BỘ | MỆNH GIÁ | | |
|-------|--|----------|-----------|-----------|
| | | Vé lượt | Vé tháng | Vé quý |
| 1 | Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo | 4.000 | 120.000 | 300.000 |
| 2 | Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng. | 10.000 | 300.000 | 800.000 |
| 3 | Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn. | 15.000 | 450.000 | 1.200.000 |
| 4 | Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn. | 22.000 | 660.000 | 1.800.000 |
| 5 | Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet. | 40.000 | 1.200.000 | 3.200.000 |
| 6 | Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet. | 80.000 | 2.400.000 | 6.500.000 |

Các trường hợp miễn thu phí được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối với các Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư để đàm phán với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh, hoàn thiện phương án tài chính của Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông đường Điện Biên Phủ (Xa lộ Hà Nội) và đường Hùng Vương nối dài (Kinh Dương Vương) số 01/2002/HĐCN ngày 17 tháng 9 năm 2002, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Các nội dung không đề cập vẫn được giữ thực hiện theo Quyết định số 8037/QĐ-UB ngày 30 tháng 11 năm 2001, Quyết định số 1939/QĐ-UB ngày 08 tháng 5 năm 2002 và Quyết

định số 114/2002/QĐ-UB ngày 11 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài